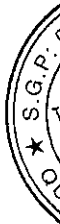


CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

MỤC LỤC	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	5
Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	18

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013 có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2013 và những lần thay đổi tiếp theo như bên dưới
Số 13/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 6 năm 2014
Số 26/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 9 năm 2015
Số 03/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 4 năm 2016
Số 118/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 12 năm 2021
Số 23/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 2 năm 2022
Số 26/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 4 năm 2024
Số 57/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 7 năm 2024
do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0312547486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 8 ngày 2 tháng 8 năm 2024

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch Công ty từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Thanh Hiệp	Chủ tịch Công ty đến ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Phó Chủ tịch Công ty từ ngày 24 tháng 6 năm 2024
Bà Đặng Thị Hồng Loan	Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch Công ty từ ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Thanh Hiệp	Chủ tịch Công ty đến ngày 25 tháng 4 năm 2024

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Trụ sở chính

Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower,
115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

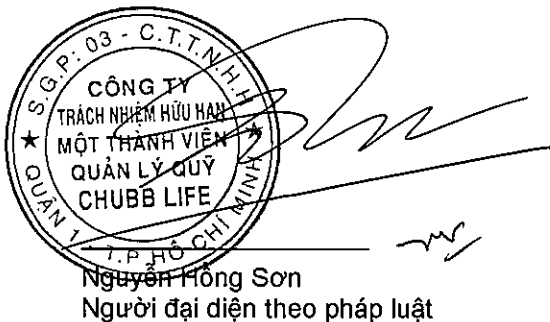
Ban Điều hành của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life ("Công ty") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("Báo cáo") tuân thủ với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") và các diễn giải được áp dụng nêu tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập Báo cáo tuân thủ theo phương pháp lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được trình bày ở Thuyết minh 3 của Báo cáo. Ban Điều hành của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo từ trang 5 đến trang 30. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày tuân thủ với Thông tư 91/2020/TT-BTC và các diễn giải được áp dụng nêu tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo.

Thay mặt Ban Điều hành



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
CHUBB LIFE
TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồng Sơn
Người đại diện theo pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo ("Báo cáo") của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life ("Công ty") được Ban Điều hành của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2025. Báo cáo này bao gồm báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và thuyết minh bao gồm cơ sở và phương pháp lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tuân thủ với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và các diễn giải được áp dụng nêu tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong Báo cáo. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán tuân thủ với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các diễn giải của Ban Điều hành khi áp dụng các văn bản pháp quy cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC và các diễn giải được áp dụng nêu tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo.

Mục đích và cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và giới hạn sử dụng báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.1 của Báo cáo về mục đích và cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Báo cáo này được lập chỉ nhằm tuân thủ các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC về chỉ tiêu an toàn tài chính và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Do đó, báo cáo kiểm toán này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16857
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Mai Trần Bảo Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4166-2022-006-1

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE**

Số:...../BC-.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp.HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm: Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được lập trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



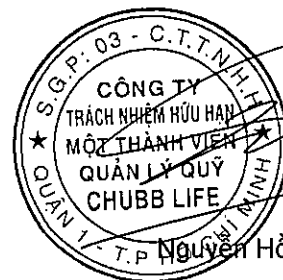
Đỗ Thị Thu Nguyệt

**TRƯỞNG BỘ PHẬN
KIỂM SOÁT NỘI BỘ**



Phạm Thị Thủy

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**



Nguyễn Hồng Sơn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
A	Nguồn vốn chủ sở hữu	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	26.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.551.368.648		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	73.609.066.394		
9	Số dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-		
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	-
14	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			103.160.435.042

Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 30 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
B	Tài sản ngắn hạn	(1)	(2)	(3)
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6		-	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động uy thác</i>			
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Trả trước cho người bán		-	
3.	Phải thu hoạt động nghiệp vụ			
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	

Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 30 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
B	Tài sản ngắn hạn (tiếp theo)	(1)	(2)	(3)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác (tiếp theo)			
6.	Các khoản phải thu khác			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		736.889	
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		287.065.301	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4.	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	Tổng			287.802.190

Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 30 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
C	Tài sản dài hạn	(1)	(2)	(3)
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động uy thác			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4.	Phải thu dài hạn khác			
	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		190.252.000	
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	Tài sản cố định		309.633.537	
III	Bất động sản đầu tư		-	

Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 30 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
C	Tài sản dài hạn (tiếp theo)	(1)	(2)	(3)
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1.	Đầu tư vào công ty con		-	
2.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6		-	
3.	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài		-	
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác			
1.	Chi phí trả trước dài hạn		-	
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		307.775.400	
3.	Ký cược, ký quỹ dài hạn		-	
4.	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại BCTC đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6		-	
C	Tổng			807.660.937
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C				102.064.971.915

Ghi chú: Các chỉ tiêu không áp dụng cho mục đích lập được bảng tính vốn khả dụng không được thể hiện số liệu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			-
1	Tiền mặt (VND)	0%	281.479.888	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	105.558.959.178	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II	Trái phiếu Chính phủ			-
4	Trái phiếu chính phủ không trả lại	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3%	-	-
III	Trái phiếu tổ chức tín dụng			-
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
IV	Trái phiếu doanh nghiệp			-
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết		-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-

Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 30 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 30 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

<i>Các hạng mục đầu tư</i>		<i>Hệ số rủi ro</i>	<i>Quy mô rủi ro VND</i>	<i>Giá trị rủi ro VND</i>
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
V	Cổ phiếu			-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố HCM; chứng chỉ quỹ mở	10%	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
13	Cổ phiếu của công ty đại chúng khác	50%	-	-
VI	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VII	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin BCTC kiểm toán/soát xét theo quy định	30%	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%	-	-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%	-	-
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	-	-
VIII	Các tài sản khác			-
21	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có BCTC kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp nhận toàn phần	100%	-	-
22	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
23	Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
IX	Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			-
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)			-

Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 30 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B RỦI RO THANH TOÁN

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro VND						Tổng giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I.	Rủi ro trước thời hạn thanh toán							
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác.	-	-	-	-	6.341.536.601	-	6.341.536.601
2.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất.	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất.	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất.	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất.	-	-	-	-	-	-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								6.341.536.601

Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 30 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		%	VND	VND
II	Rủi ro quá thời hạn thanh toán			
1.	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2.	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3.	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4.	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	-	-
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				-

3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, các hợp đồng, giao dịch khác

		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		%	VND	VND
III	Rủi ro từ các khoản tạm ứng, các hợp đồng, giao dịch khác			
1.	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 điều 10, Thông tư 91/2020/TT-BTC; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày.	100%	-	-
TỔNG RỦI RO TỪ CÁC KHOẢN TẠM ỨNG, CÁC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH KHÁC				-

Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 30 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

4. Rủi ro tăng thêm

	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		%	VND	VND
IV.	Rủi ro tăng thêm			
1.	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - 13 & 18 tháng	30%	1.669.502.466	500.850.740
2	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP An Bình - 2 năm	30%	1.804.703.343	541.411.003
3.	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - 6 & 12 tháng	20%	1.134.515.342	226.903.068
5	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - 12 tháng & 2 năm	10%	804.679.742	80.467.974
6	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - 12 tháng	10%	630.000.000	63.000.000
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM			6.043.400.893	1.412.632.785
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III+IV)				7.754.169.386

C RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

	Chi tiêu	Giá trị VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2024	12.714.281.349
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	72.085.090
	1. Chi phí khấu hao	72.085.090
	2. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-
	3. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	12.642.196.259
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	3.160.549.065
V.	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán (25% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán có nghiệp vụ chứng khoán phái sinh)	5.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV, V})		5.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		12.754.169.386

Các thuyết minh từ trang 18 đến trang 30 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO
AS AT 31 DECEMBER 2024

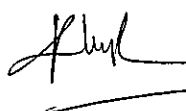
III. SUMMARY OF RISK VALUE AND LIQUID CAPITAL

Unit: VND

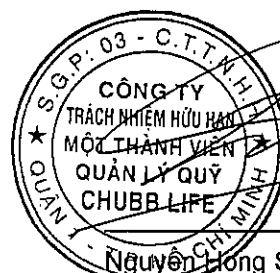
No.	Item	Value of Risk/Liquid capital
1	Total market risk value	-
2	Total payment risk value	7,754,169,386
3	Total operational risk value	5,000,000,000
4	Total value of risk (4 = 1 + 2 + 3)	12,754,169,386
5	Liquid capital	102,064,971,915
6	Capital adequacy ratio (6 = 5/4)	800.25%



Do Thi Thu Nguyet
Chief Accountant



Pham Thi Thuy
Head of Internal control department



Nguyễn Hồng Sơn
Legal Representative
28 March 2025

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO AS AT 31 DECEMBER 2024

1 GENERAL INFORMATION

Chubb Life Fund Management Company (formerly known as ACE Life Fund Management Limited) ("the Company") was established in SR Vietnam pursuant to Establishment and Operation License No. 52/GP-UBCK issued by the State Securities Commission of Vietnam ("the SSC") dated 24 October 2013. The Establishment and Operation License was amended several times and the latest amendment was No.57/GPĐC-UBCK dated 25 July 2024.

On 17 June 2014, the amendment of the Investment and Operating License No. 13/GPDC-UBCK was issued by the SSC to approve for the change of the Company's registered office.

On 21 September 2015, the amendment of the Investment and Operating License No. 26/GPDC-UBCK was issued by the SSC to increase the charter capital of the Company to VND26,000,000,000.

On 4 April 2016, the Company received the second amendment of the Investment and Operating License No. 03/GPDC-UBCK issued by the SSC to approve for the change of the Company's name from ACE Life Fund Management Company Limited to Chubb Life Fund Management Company Limited.

On 20 December 2021, the Company received the third amendment of the Investment and Operating License No. 118/GPDC-UBCK issued by the SSC to approve for the change of the Company's legal representative from Mr. Lam Hai Tuan to Mr. Bui Thanh Hiep.

On 28 February 2022, the Company received the amendment of the Establishment and Operation License No. 23/GPDC-UBCK issued by the SSC to approve the change of the information of Company's legal representative.

On 25 April 2024, the Company received the amendment of the Establishment and Operation License No. 26/GPDC-UBCK issued by the SSC to approve for the change of the Company's legal representative from Mr. Bui Thanh Hiep to Mr. Nguyen Hong Son.

On 25 July 2024, the Company received the amendment of the Establishment and Operation License No. 57/GPDC-UBCK issued by the SSC to approve the change of the information of Company's legal representative.

The Company is a one-member limited company, wholly owned by the Chubb Life Insurance Vietnam Company Limited (formerly known as ACE Life Insurance Company Limited), a company incorporated in Vietnam.

Principal activities of the Company are management of securities investment funds, securities investment portfolios and securities investment consultancy in Vietnam.

As at 31 December 2024, the Company had 17 employees (31 December 2023: 14 employees).

2 BASIS OF PREPARATION

2.1 Applicable regulations and applied interpretation

The Company's report on capital adequacy ratio as at 31 December 2024 ("the Report") is prepared and presented in accordance with Circular 91/2020/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 13 November 2020 ("Circular 91/2020/TT-BTC") providing guidance on capital adequacy ratio applicable to securities trading institutions and sanctions against non-compliance and applied interpretations as described below.

The Report is prepared solely to comply with the requirements on capital adequacy ratio and information disclosure in the securities market. As a result, the Report may not be suitable for any other purpose.

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO AS AT 31 DECEMBER 2024

2 BASIS OF PREPARATION (continued)

2.1 Applicable regulations and applied interpretation (continued)

The Company applied certain interpretations, in the absence of clear guidance of Circular 91/2020/TT-BTC, for the following matters:

Item "Balance of provision for impairment of assets" (Item l, Clause 1, Article 4 - Liquid capital, Circular 91/2020/TT-BTC)

This item includes the balance of provisions as at 31 December 2024.

Item "Cash equivalents" (Item d, Clause 2, Article 9 - Position risk value, Circular 91/2020/TT-BTC)

This item includes balances of cash equivalents and term deposits at banks as at 31 December 2024, the position risk value of these items is calculated based on the formula set out in Circular 91/2020/TT-BTC.

Item "Receivables" (Items g and h, Clause 1, Article 10 – Counterparty risk value, Circular 91/2020/TT-BTC)

This item includes other receivables and other assets that being counterparty risk, and the counterparty risk value of these items are calculated based on the formula set out in Circular 91/2020/TT-BTC.

The Report in Vietnamese is the official statutory Report of the Company. The Report in English has been translated from the Report in Vietnamese.

2.2 Reporting currency

The accounting currency is Vietnamese Dong ("VND") and the Report is presented in VND.

3 REPORTING PRINCIPLES

3.1 Capital adequacy ratio

Capital adequacy ratio is the ratio of liquid capital to total risk value.

The Company's capital adequacy ratio is determined according to the formula as follows:

$$\text{Capital adequacy ratio} = \frac{\text{Liquid capital} \times 100\%}{\text{Total risk value}}$$

Where total risk value is the total of market risk value, counterparty risk value and operational risk value.

3.2 Liquid capital

According to Circular 91/2020/TT-BTC, liquid capital comprises owner's equity which can be converted into cash within ninety (90) days, including:

- a) Owner's capital, excluding redeemable preference share (if any), excluding treasury shares (if any);
- b) Share premium excluding premium from redeemable preference shares (if any);
- c) Supplementary capital reserve;

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

**NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO
AS AT 31 DECEMBER 2024**

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.2 Liquid capital (continued)

- d) Investment and development fund (if any);
- e) Financial and operational risk reserve;
- f) Other equity funds made in accordance with prevailing regulations;
- g) Undistributed earnings after tax;
- h) The balance of the provision for impairment of assets;
- i) Fifty percent (50%) of the upward revaluation of fixed assets in accordance with prevailing regulations (if written up), or excluding all downward revaluation (if written down);
- j) Foreign currency translation reserves;
- k) Deductions specified in Note 3.2.1;
- l) Additions specified in Note 3.2.2;
- m) Other equity (if any).

3.2.1 Deductions

Liquid capital of the Company is deducted by the following items:

- a) Market valuation downside value of financial investments being carried at cost, except those excluded from liquid capital. The market value is determined in accordance with Circular 91/2020/TT-BTC;

Securities are excluded from the liquid capital, including:

- Securities issued by entities related to the Company including: (i) its parent company, subsidiaries and (ii) subsidiaries of its parent company;
 - Securities suspended from transfer for more than ninety (90) days from the reporting date.
- b) Non-current assets, excluding (i) assets subject to market risk exposure, excluding securities excluded from the liquid capital, (ii) provisions for these items and (iii) contracts, transactions in Note 3.4 (k);
 - c) Receivables and advances with remaining maturity above ninety (90) days, prepayments and other current assets (excluding provisions made), securities excluded from the liquid capital;
 - d) Exceptions, contrary opinions or refusal to give opinions (if any) on the audited financial statements but have not been deducted from the liquid capital at the points mentioned above. In cases when the auditor certifies that it has expired, the Company shall not have to subtract these amounts

In determining deductions, the following reliefs are permitted:

- For assets used to secure the obligations of the Company itself, the discounted value shall be reduced to the minimum value of (i) the market value of such assets determined in accordance with Circular 91/2020/TT-BTC, (ii) the book value and (iii) the residual value of the obligation;
- For assets secured by assets of customers, the deduction shall be reduced to the minimum value of (i) the value of collateral determined in accordance with Circular 91/2020/TT-BTC and (ii) the book value.

According to Circular 91/2020/TT-BTC, the Company is not required to calculate risk values of assets excluded from liquid capital.

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO AS AT 31 DECEMBER 2024

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.2 Liquid capital (continued)

3.2.2 Additions

The liquid capital of the Company is increased up to 50% of the equity, as the value of the following items:

- a) Upward revaluation of financial assets carried at cost compared to market value determined in accordance with Circular 91/2020/TT-BTC, except for those excluded from liquid capital as specified in Note 3.2.1.
- b) Debts convertible into equity

Debts convertible into equity are comprise two groups below, and meet all conditions listed below:

- Convertible bonds (excluding equity component which is already included in liquid capital), preference shares with initial preference period of at least five (5) years; or
- Debt instruments with initial term of at least ten (10) years and in any case the holders are repaid only when the Company pays off its secured debts and unsecured debts.

Conditions to qualify debts convertible into equity include the followings:

- Not secured by the Company's assets;
- The Company only redeems before maturity upon request of holders or repurchase on secondary market after announcing to the State Securities Commission in accordance with Circular 91/2020/TT-BTC;
- The Company is able to pause interest payment and delay to following year if such interest payment resulting a loss;
- In case of liquidation, the holder is only repaid after the Company pays off its secured and unsecured debts;
- Interest increase revision: For fixed interest rates, including revision of interest spread, is applied after five (5) years since issue date, contract date and only once during its duration before conversion into ordinary shares throughout the term of the secondary debt; For interest rates calculated by a formula, the formula must not change and the spread in the formula may only be changed once after 05 years from the issuance date or contract date;
- The debt is registered for addition in accordance with Circular 91/2020/TT-BTC.

Addition by debts convertible into equity reduces over time following principle below:

- During the last five (5) years before maturity/conversion date, the Company reduces by 20% of initial value each year;
- During the last four (4) quarters before maturity/conversion date, the Company reduces by 25% of remaining value each quarter, after reducing by 20% of initial value each year above.

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO AS AT 31 DECEMBER 2024

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.3 Position risk value

Position risk value is a value equivalent to the possible loss arising when the market value of assets currently owned by the Company changes towards the adverse trend and is determined by the Company at closing trading day according to the following formula:

Position risk value = Net position of each security x Asset value x Market risk coefficient

In which the net position of each security at a point of time is the quantity being held at reporting date, adjusted by deducting securities lent and securities being hedged by put options and future contracts; and adding securities borrowed in accordance with prevailing regulations.

Assets not subject to position risk include:

- Treasury shares;
- The group of securities is excluded from liquid capital as stated in Item 3.2.1;
- Bonds, debt instruments, valuable papers in the currency market have matured;
- Securities have been hedged against future contracts;
- The rights to sell contracts are used to hedge risks for underlying securities.

3.3.1 Market risk coefficient

Market risk coefficient is determined for each specific asset in accordance with Circular 91/2020/TT-BTC and presented in section A of Risk Values in the Report.

3.3.2 Asset value

No.	Type of asset	Valuation principles
Cash and cash equivalents, money market instruments		
1	Cash in VND	Carrying value at the reporting date
2	Foreign currencies	Amounts equivalent to VND translated at exchange rates quoted by credit institutions licensed to trade foreign currencies at the reporting date
3	Term deposits	Deposit amount plus accrued interest up to the reporting date
4	Treasury bills, banker's acceptances, commercial papers, transferable certificates of deposit, bonds and discounted money market instruments	Purchase price plus accrued interest up to the reporting date
Bonds		
5	Listed bonds	<ul style="list-style-type: none">- Quoted price of outright transactions on Stock Exchanges as at the latest trading date prior to the reporting date plus accrued interest (if clean price is quoted);- If the bond is not traded within the two (2) weeks prior to the reporting date, its value is the highest of the followings:<ul style="list-style-type: none">+ Purchase price plus accrued interest;+ Par value plus accrued interest;+ Price based on the Company's internal valuation policy, plus accrued interest. <p>i.e. Max (Purchase price plus accrued interest, Par value plus accrued interest, price based on the Company's internal valuation policy, plus accrued interest)</p>

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

**NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO
AS AT 31 DECEMBER 2024**

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.3 Position risk value (continued)

3.3.2 Asset value (continued)

No.	Type of asset	Valuation principles
Bonds (continued)		
6	Unlisted bonds	<p>The highest of the followings:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quoted price on selected bond quotation system (if any) plus accrued interest; + Purchase price plus accrued interest; + Par value plus accrued interest; + Price based on the Company's internal valuation policy, plus accrued interest <p>i.e. Max (Quoted (if any), Purchase price plus accrued interest, Par value plus accrued interest, Price based on the Company's internal valuation policy, plus accrued interest)</p> <p>The securities dealing organisations may opt to obtain bond quotation systems for price reference.</p>
Shares		
7	Shares listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange	<ul style="list-style-type: none"> - Closing price of the latest trading date prior to the reporting date; - If the share is not traded within the two (2) weeks prior to the reporting date, its value is the highest of the followings: <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Purchase price; + Price based on the Company's internal valuation policy. <p>i.e. Max (Book value, Purchase price, Price based on the Company's internal valuation policy)</p>
8	Shares listed on the Hanoi Stock Exchange	<ul style="list-style-type: none"> - Closing price of the latest trading date prior to the reporting date; - If the share is not traded within the two (2) weeks prior to the reporting date, its value is the highest of the followings: <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Purchase price; + Price based on the Company's internal valuation policy. <p>i.e. Max (Book value, Purchase price, Price based on the Company's internal valuation policy)</p>
9	Shares of public companies registered for trading on the UPCoM	<ul style="list-style-type: none"> - Closing price of the latest trading date prior to the reporting date; - If the share is not traded within the two (2) weeks prior to the reporting date, its value is the highest of the followings: <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Purchase price; + Price based on the Company's internal valuation policy. <p>i.e. Max (Book value, Purchase price, Price based on the Company's internal valuation policy)</p>

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO AS AT 31 DECEMBER 2024

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.3 Position risk value (continued)

3.3.2 Asset value (continued)

No.	Type of asset	Valuation principles
Shares (continued)		
10	Shares that are deposited at Vietnam Securities Depositories ("VSD") but not yet listed or registered for trading	<ul style="list-style-type: none"> - The average of transacted prices quoted by at least three (3) independent securities for the latest trading date prior to the reporting date. - In case the Company cannot obtain quotations from at least three independent securities firms, the shares' value is the highest of: <ul style="list-style-type: none"> + Price from quotations; + Price from the most recent reporting date; + Book value; + Purchase price; + Price based on the Company's internal valuation policy i.e. Max (Price from quotations, Price from the most recent reporting date, Book value, Purchase price, Price based on the Company's internal valuation policy)
11	Suspended, delisted or cancelled securities	The highest of the followings: <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Purchase price; + Price based on the Company's internal valuation policy. i.e. Max (Book value, Purchase price, Price based on the Company's internal valuation policy)
12	Securities of entities in liquidation or bankruptcy process	80% of the securities' disposal value (announced by the entities or book value) on the latest balance sheet date prior to the reporting date, or price based on the Company's internal valuation policy.
13	Other equities and investments	The highest of the followings: <ul style="list-style-type: none"> + Book value; + Purchase price; + Price based on the Company's internal valuation policy. i.e. Max (Book value, Purchase price, Price based on the Company's internal valuation policy)
Fund certificates/shares of securities investment companies		
14	Fund certificates of public closed-end funds/ exchange-traded funds	<ul style="list-style-type: none"> - Closing price of the latest trading date prior to the reporting date; - If the fund certificates/shares are not traded within two (2) weeks prior to the reporting date, its value is the Net asset value ("NAV") per fund unit at the latest valuation date prior to the reporting date.
15	Fund units of member funds/ open-end funds, privately issued shares of securities investment companies	NAV per fund unit/share at the latest valuation date prior to the reporting date.
16	Other assets	Based on the Company's internal valuation policy

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO AS AT 31 DECEMBER 2024

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.3 Position risk value (continued)

3.3.2 Asset value (continued)

No.	Type of asset	Valuation principles
Fixed assets		
17	Land use rights	Amount reported by an independent valuer appointed by the Company
18	Buildings, including construction in progress	Amount reported by an independent valuer appointed by the Company/ accumulated cost of construction in progress
19	Machinery and equipment, motor vehicles	Net book value
20	Other fixed assets	Amount reported by an independent valuer appointed by the Company
Other securities		
21	Covered warrants issued by other securities dealing entities	- Closing price of the latest trading date prior to the reporting date; - Purchase price (for unlisted covered warrants).
22	Shares listed on foreign stock exchanges	- Price in VND translated at applicable exchange rate at reporting date; - Closing price of the latest trading date prior to the reporting date; - If the share is not traded within two (2) weeks prior to the reporting date, its value is the highest of the followings: + Book value; + Purchase price; + Price based on the Company's internal valuation policy. i.e. Max (Book value, Purchase price, Price based on the Company's internal valuation policy)

Accrued interest is interest accrued from the most recent payment to reporting date.

Book value of a share is based on the most recent audited/reviewed financial statements.

3.3.3 Risk value of large exposures

The position risk value of each assets will be increased where the Company takes too long position in it, except securities that are currently under issue underwriting in the form of firm commitment underwriting, Governmental bonds, bonds guaranteed by the Government. The risk value is increased on the following principle:

- Increase by 10% where the total exposure from investment in shares and bonds of an entity ranges from 10% to 15% of the Company's equity;
- Increase by 20% where the total exposure from investment in shares and bonds of an entity ranges from 15% to 25% of the Company's equity;
- Increase by 30% where the total exposure from investment in shares and bonds of an entity exceeds 25% of the Company's equity.

Dividends, coupons and rights (if any) or interests from loans, cash deposits, cash equivalents, transferable intruments, valuable papers are included in position risk exposure.

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO AS AT 31 DECEMBER 2024

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.4 Counterparty risk value

Counterparty risk value associates with potential loss from counterparty's failure to pay or transfer assets as timely as committed. Counterparty risk value is determined at the end of the trading date of contracts or transactions as follows:

Contracts and transactions	Counterparty risk value
a) Time deposits at credit institutions, certificates of deposit issued by credit institutions; b) Securities borrowing contracts in accordance with prevailing regulations; c) Repo contracts in accordance with prevailing regulations; d) Reverse repo contracts in accordance with prevailing regulations; e) Margin loans contracts for buying listed securities in accordance with prevailing regulations; f) Receivables from customers in securities trading activities; g) Others associate with counterparty risks	Counterparty risk value = Risk coefficient by counterparty x Counterparty risk exposure Counterparty risk value (Overdue) = Risk coefficient by time x Counterparty risk exposure
h) Co-underwriting contracts with firm commitment where the Company is the lead underwriter.	The counterparty risk value is determined by 30% of the remaining value of outstanding contracts
i) Receivables from mature bonds, valuable papers, mature debt instruments for which payment has not been paid; j) Assets the time limit for transfer of which has expired, including securities in trading activities of the securities-trading organization and securities of clients in securities brokerage.	Counterparty risk value (Overdue) = Risk coefficient by time x Counterparty risk exposure
k) Contracts, transactions, capital usages other than those specified in points a, b, c, d, e, f, g above; receivables from debt trading with business partners besides Vietnam Asset Management Company (VAMC), Vietnam Debt and Asset Trading Corporation (DATC)	Counterparty risk value = Counterparty risk exposure x 100%
l) Advances with reimbursement period under 90 days: <ul style="list-style-type: none"> - Accounting for 0% - 5% of owners' equity at calculation date - Accounting for more than 5% of owners' equity at calculation date 	Counterparty risk value = Counterparty risk exposure x 8% Counterparty risk value = Counterparty risk exposure x 100%

When the counterparty is assessed as totally insolvent, entire exposure from contracts is deducted from liquid capital.

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO AS AT 31 DECEMBER 2024

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.4 Counterparty risk value (continued)

3.4.1 Risk coefficient by counterparty

Counterparty risk coefficient is determined based on type of counterparty and past due period as required in Circular 91/2020/TT-BTC.

Risk coefficient by counterparty is determined as in table below:

No.	Type of counterparty	Risk coefficient
1.	The Government, issuing organisations guaranteed by the Government or the Ministry of Finance, the State Bank of Vietnam, Governments and Central Banks of OECD countries, People's Committees of Municipalities	0%
2.	Stock Exchanges, Vietnam Securities Depository	0.8%
3.	Credit institutions, financial institutions, securities trading organisations incorporated in OECD countries and having credibility ratings meeting other conditions in accordance with internal regulations of securities trading organisations	3.2%
4.	Credit institutions, financial institutions, securities trading organisations incorporated outside OECD countries; or incorporated in OECD countries and not meeting other conditions in accordance with internal regulations of securities trading organisation	4.8%
5.	Credit institutions, financial institutions, securities trading organisations, securities investment funds, securities investment companies incorporated and existing in Vietnam	6%
6.	Other organisations, individuals, objects	8%

3.4.2 Risk coefficient by time

Risk coefficient by counterparty is determined based on past due period as required in Circular 91/2020/TT-BTC detailed as below:

No.	Overdue dates since deadlines of payments/ securities settlements	Risk coefficient
1.	0 - 15 days since deadlines of payments/ securities settlements	16%
2.	16 - 30 days since deadlines of payments/ securities settlements	32%
3.	31 - 60 days since deadlines of payments/ securities settlements	48%
4.	Over 60 days since deadlines of payments/ securities settlements	100%

3.4.3 Counterparty risk exposure

Counterparty risk exposure also include dividends, coupons, rights (if attached to securities), accrued interests on loans and cash deposits, and surcharges (applicable on credit products).

Counterparty risk exposure of receivables past due, matured bonds and debt instruments is par value, plus uncollected interests and related charges, less any amount collected.

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO AS AT 31 DECEMBER 2024

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.4 Counterparty risk value (continued)

3.4.3 Counterparty risk exposure (continued)

The counterparty risk exposure in borrowing, securities lending, margin trading and buy and sell transactions are determined as follows:

No.	Type of transactions	Counterparty risk exposure
1.	Term deposits, certificates of deposit, unsecured loans; contracts, transactions, capital using according to Note 3.4 (k)	Total balance of deposit account, certificate of deposit, loan value, contract value, transaction value plus dividends, coupons, preference value (for securities) or deposit interest, loan interest, other surcharges (for credit).
2.	Securities lending (or agreements of similar substance)	$\text{Max}\{(\text{Market value of contracts} - \text{Value of collateral assets (if any)}), 0\}$
3.	Securities borrowing (or agreements of similar substance)	$\text{Max}\{(\text{Value of collaterals} - \text{Market value of contracts}), 0\}$
4.	Contracts for purchase of securities with a commitment to resale (or agreements of similar substance)	$\text{Max}\{(\text{Value of contracts by purchase price} - \text{Market value of contracts} \times (1 - \text{Market risk coefficient})), 0\}$
5.	Contracts for sale of securities with a commitment to repurchase (or agreements of similar substance)	$\text{Max}\{(\text{Market value of contracts} \times (1 - \text{Market risk coefficient}) - \text{Value of contracts by selling price}), 0\}$
6.	Contracts for lending for purchase and deposit of securities (for borrowers to purchase securities)/ Agreements of common substance	$\text{Max}\{(\text{Debt balance} - \text{Value of collateral assets}), 0\}$

Loan balance include the principal, interest and charges.

If the market price of collateral assets is not observable, they are priced following the Company's internal valuation.

The counterparty risk exposure in securities trading activities is defined as follows:

No.	Time	Counterparty risk exposure
A - For securities trading transactions (sellers are securities trading organizations or securities trading organizations' clients in brokerage activities)		
1.	Prior to receiving payment	0
2.	After the payment deadline	The market value of the contract (in case the market price is lower than the trading price) 0 (in case the market price is higher than the transaction price)
B - For securities purchase transactions (buyers are securities trading organizations or securities trading organizations's client)		
1.	Prior to receiving payment	0
2.	After the payment deadline	The market value of the contract (in case the market price is lower than the trading price) 0 (in case the market price is higher than the transaction price)

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO AS AT 31 DECEMBER 2024

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.4 Counterparty risk value (continued)

3.4.4 Counterparty risk exposure relief

Except for contracts, transactions as stated in Note 3.4 (k) and Note 3.4 (l), the Company deducts the portion of value of collateral assets of counterparties and customers upon determination of the counterparty risk exposure risks. Counterparty risk exposure relief is applicable to contracts and transactions that fully meet the following conditions:

- Counterparty/customer has collateral assets to secure their obligations and collateral assets are cash and cash equivalents, valuable papers, transferable money market instruments, listed securities, securities registered for trading at the Stock Exchanges, Government bonds, bonds guaranteed by the Ministry of Finance;
- The Company reserves discretion to control, utilise or transfer the collateral assets in case the counterparty fails to meet their obligations sufficiently and timeline as committed in the contracts.

Value of assets backing the relief is determined as follows:

Value of collateral assets

= Quantity of collateral assets x price of collateral assets x (1 – Market risk coefficient)

Where:

- Asset valuation determined on the basis specified in Note 3.3.5.
- Market risk coefficient is determined for each specific asset in accordance with Circular 91/2020/TT-BTC and presented in section A of Risk Values in the Report.

3.4.5 Risk value of large exposures

Counterparty risk value is increased following the principle below:

- Increase by 10% where the value of term deposit, certificate of deposit, loans, long-term receivables, repo contracts, reverse repo contracts, the total exposure from an entity, an individual and a group of related entities and individuals (if any) ranges from 10% to 15% of the Company's equity; or
- Increase by 20% where the value of term deposit, certificate of deposit, loans, long-term receivables, repo contracts, reverse repo contracts, the total exposure from an entity, an individual and a group of related entities and individuals (if any) ranges from 15% to 25% of the Company's equity; or
- Increase by 30% where the value of term deposit, certificate of deposit, loans, long-term receivables, repo contracts, reverse repo contracts, the total exposure from an entity, an individual and a group of related entities and individuals (if any), or an individual and their related parties (if any) exceeds 25% of the Company's equity.

A group of related entities and individuals related to an entity or an individual (hereinafter referred to as a group of related entities and individuals) is an organization or individual as defined in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities.

CHUBB LIFE FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

**NOTES TO THE REPORT ON CAPITAL ADEQUACY RATIO
AS AT 31 DECEMBER 2024**

3 REPORTING PRINCIPLES (continued)

3.4 Counterparty risk value (continued)

3.4.6 *Bilateral offsetting of counterparty risk exposure*

Counterparty risk exposure can be bilateral offset if:

- Counterparty risks relates to the same counterparty;
- Risks arise on the same type of transactions;
- Bilateral offsetting has been agreed in written form.

3.5 Operational risk value

Operational risk value associates with potential loss from technical failure, system malfunction, control deficiencies, human errors, insufficient working capital due to unexpected expenses and investment losses, and other uncontrollable causes.

The Company's operational risk value is determined by 25% of recurring expenses of the Company in twelve (12) consecutive months preceeding reporting date, or 20% of the minimum charter capital for business operations of the securities-trading organization, whichever is higher.

The Company's operating expenses are determined by the total expense arising in the period exclude depreciation expenses, provision or reversal of provision for diminution in value of short-term investments, provision or reversal of provision for diminution in value of long-term investments; provision or reversal of provision for doubtful receivables.

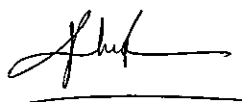
4 EVENTS AFTER THE REPORTING DATE

There have been no subsequent events occurring after the reporting date that would require adjustments or disclosures to be made in this Report.

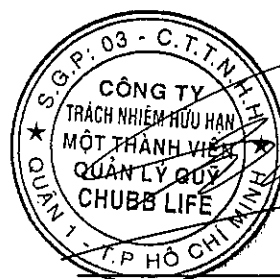
The Report was approved by the Executive Board on 28 March 2025.



Do Thi Thu Nguyet
Chief Accountant



Pham Thi Thuy
Head of Internal control department



Nguyen Hong Son
Legal Representative